

Bản án số: **246**/2025/HS-PT

Ngày: 13/5/2025

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông **Trần Đức Kiên**

Các thẩm phán: ông **Đặng Kim Nhân**

ông Phạm Văn Hợp

- **Thư ký phiên tòa:** bà **Đặng Ngọc Gia Linh**, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: ông Nguyễn Chiến, Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 102/2025/TLPT-HS ngày 26 tháng 02 năm 2025 đối với bị cáo **Phan Thị T** về tội “*Trốn thuế*”.

Do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 06/2025/HS-ST ngày 14/01/2025 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

- Bị cáo có kháng cáo:

Phan Thị T, sinh ngày 02 tháng 8 năm 1982 tại tỉnh Nghệ An; nơi cư trú: **K H, tổ E, phường T, quận S, thành phố Đà Nẵng**; nghề nghiệp: kinh doanh; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông **Phan Văn H** và bà **Hồ Thị M**; chồng là **Trần Hữu T1**, có 03 con (con lớn nhất sinh năm 2009, con nhỏ nhất sinh năm 2020); tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 20/10/2023, hiện đang bị tạm giam; có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo **Phan Thị T**: ông **Nguyễn Doãn H1**, Luật sư Công ty **L1**, thuộc **Đoàn Luật sư thành phố Đ**; có mặt.

Ngoài ra, trong vụ án còn có các bị cáo là các pháp nhân thương mại khác, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nhưng không có kháng cáo, kháng nghị nên Hội đồng xét xử không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Từ ngày 17/3/2023 đến 06/4/2023 và từ ngày 19/6/2023 đến 29/8/2023, **Cục Thuế thành phố Đ** thanh tra thuế các năm 2019, 2020, 2021 của **Công ty trách nhiệm hữu hạn T7** (sau đây gọi là **Công ty T7**) và **Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên L1** (sau đây gọi là **Công ty L1**) do cơ quan quản lý thuế là **Chi cục Thuế khu vực S – Ngũ Hành Sơn** xác định: Đã nộp thuế giá trị gia tăng (GTGT) là 981.131.792 đồng (**Công ty T7** nộp cho các năm 2019, 2020, 2021) và tiền thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) là 129.977.786 đồng (trong đó: **Công ty T7** nộp 126.977.786 cho năm 2019, **Công ty L1** nộp 3.000.000 đồng năm 2019); xác định **Phan Thị T** là Giám đốc đại diện theo pháp luật của 02 Công ty đã sử dụng các tài khoản cá nhân để thu tiền từ hoạt động cung ứng hàng hóa, dịch vụ của **Công ty T7** và **Công ty L1**; không xuất hóa đơn, chứng từ tài chính, bỏ ngoài sổ sách kế toán, khai báo thuế với doanh thu ít hơn để nhằm trốn thuế, như sau:

- Tại Kết luận thanh tra số 8368/KL-CTĐAN ngày 31/7/2023 của **Cục Thuế thành phố Đ** đã xác định **Công ty T7** có hành vi “Trốn thuế” với số tiền là 5.637.827.954 đồng.

- Tại Kết luận thanh tra số 11938/KL-CTĐAN ngày 09/11/2023 của **Cục Thuế thành phố Đ** đã xác định **Công ty L1** có hành vi “Trốn thuế” với số tiền là 31.576.685.409 đồng.

Trên cơ sở đó, **Cục Thuế thành phố Đ** chuyển hồ sơ, vụ việc có dấu hiệu tội phạm xảy ra tại **Công ty T7** theo Công văn số 8369/CTĐAN-TTKT3 ngày 31/7/2023 và xảy ra tại **Công ty L1** theo Công văn số 12018/CTĐAN-TTKT3 ngày 09/11/2023 đến Cơ quan Cảnh sát điều tra **Công an thành phố Đ** để điều tra theo thẩm quyền.

Quá trình điều tra đã xác định được như sau:

- **Công ty T7** (MST: 0401877246, địa chỉ trụ sở: 204 **V, P, S, Đà Nẵng**) thuộc loại hình Công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp do **Sở Kế hoạch & Đầu tư thành phố Đ** cấp lần đầu vào ngày 22/01/2018, vốn điều lệ: 20.000.000.000 đồng, đăng ký thay đổi lần thứ 01 vào ngày 16/4/2019, đăng ký thay đổi lần 02 vào ngày 20/8/2019, đăng ký thay đổi lần 03 vào ngày 25/4/2023. Công ty được cấp phép hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày (khách sạn), vận tải hành khách đường bộ, dịch vụ phục vụ đồ uống, điều hành tour du lịch... Khi thành lập, **Công ty T7** có 03 thành viên: Phan Thị Thanh góp vốn 8.000.000.000 đồng, chiếm tỷ lệ 40% vốn góp, giữ chức danh: Giám đốc, đại diện theo pháp luật của Công ty; ông **Đỗ Quang V** (SN 1967, hộ chiếu số: N1830595, cấp ngày:

24/8/2017, nơi cấp: **N - Mỹ**; trú tại: **A đường C, Phường B, Quận A, TP .**), góp vốn 10.000.000.000 đồng, chiếm tỷ lệ 50% vốn góp, giữ chức danh: Chủ tịch Hội đồng thành viên; ông **Lê Thanh B** (SN 1975, trú: **Số A, Ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Bến Tre**), góp vốn 2.000.000.000 đồng, chiếm tỷ lệ 10% vốn góp.

Theo Điều lệ của **Công ty T7**, Hội đồng thành viên là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty, họp định kỳ mỗi năm 04 lần. Hội đồng thành viên có quyền quyết định chiến lược phát triển và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty; thông qua báo cáo tài chính hằng năm, phương án sử dụng và phân chia lợi nhuận hoặc phương án xử lý lỗ của Công ty; quyết định cơ cấu tổ chức quản lý của Công ty... Giám đốc là người điều hành, quyết định các vấn đề liên quan đến hoạt động kinh doanh hằng ngày của Công ty; tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty; bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức các chức danh quản lý trong Công ty; ký kết các hợp đồng nhân danh Công ty; trình báo cáo quyết toán tài chính hằng năm lên Hội đồng thành viên, tuyển dụng lao động cùng các quyền và nghĩa vụ khác; chịu trách nhiệm trước Hội đồng thành viên về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ của mình.

Mặc dù là thành viên Hội đồng quản trị, có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và theo Điều lệ Công ty, nhưng các cổ đông **Đỗ Quang V**, **Lê Thanh B** đều tin tưởng, giao mọi hoạt động điều hành, kinh doanh **Công ty T7** cho **Phan Thị T** quyết định. Hội đồng thành viên có tổ chức họp một vài lần (không xác định rõ thời gian, số lần) để nghe **Phan Thị T** – Giám đốc báo cáo số liệu tài chính định kỳ. Nhận thấy tình hình kinh doanh của **Công ty T7** từ khi thành lập đến đầu năm 2020 liên tục lỗ do dịch bệnh covid-19, không lợi nhuận nên tháng 3/2020, ông **V** và ông **B** xin rút vốn khỏi Công ty và được **Phan Thị T** đồng ý trả lại phần vốn góp. Đến tháng 4/2023, ông **Đỗ Quang V**, **Lê Thanh B** và bà **Phan Thị T**, ông **Nguyễn Đào Duy B1** (SN 1984; trú: **E Đ, phường A, quận S, TP .**; CMND số 201497485) ký các Hợp đồng chuyển nhượng phần vốn góp trong **Công ty T7**. Theo đó, ông **Đỗ Quang V** chuyển nhượng cho **T** một phần vốn góp là 4.000.000.000 đồng, chiếm 20% vốn điều lệ, chuyển nhượng cho ông **Nguyễn Đào Duy B1** một phần vốn góp là 6.000.000.000 đồng, chiếm 30% vốn điều lệ. Ông **Lê Thanh B** chuyển nhượng cho ông **Nguyễn Đào Duy B1** toàn bộ phần vốn góp 2.000.000.000 đồng, chiếm 10% vốn điều lệ. Từ tháng 4/2023, Công ty có 02 cổ đông chính, **Phan Thị Thanh** chiếm 60% vốn góp, giữ chức vụ Giám đốc và ông **Nguyễn Đào Duy B1** chiếm 40% vốn góp. Mặc dù là cổ đông của **Công ty T7** nhưng **Nguyễn Đào Duy B1** chỉ thực hiện vai trò quản lý nhân sự, mọi hoạt động điều hành Công ty vẫn do **Phan Thị T** trực tiếp quyết định.

- **Công ty TNHH MTV L1** (MST: 0401725518, địa chỉ trụ sở: 204 **V, P, S, Đà Nẵng**, gọi tắt là **Công ty L1**) thuộc loại hình **Công ty TNHH Một thành viên L1**, hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp do **Sở Kế hoạch & Đầu tư thành phố Đ** cấp lần đầu vào ngày 08/01/2016, vốn điều lệ: 3.000.000.000 đồng, đăng ký thay đổi lần thứ nhất vào ngày 07/4/2017, đăng ký thay đổi lần thứ 2 vào 23/3/2018, đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 26/4/2019, đăng ký thay đổi lần thứ 4 vào ngày 24/5/2023. Chủ sở hữu Công ty là **Phan Thị**

T (thông tin lai lịch như trên), giữ 100% vốn góp và là Giám đốc. Công ty L1 được cấp phép hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh dịch vụ điều hành tour du lịch, dịch vụ lưu trú ngắn ngày (khách sạn), vận tải hành khách đường bộ, dịch vụ ăn uống, dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tour du lịch... Phan Thị T là người trực tiếp chỉ đạo, điều hành mọi hoạt động của Công ty L1 từ xây dựng chương trình, kế hoạch kinh doanh, đề ra phương hướng hoạt động, tìm kiếm các nguồn khách hàng và định hướng kinh doanh cho Công ty cho đến tuyển chọn nhân sự, chỉ đạo các phòng ban và giao nhiệm vụ cho từng nhân viên. Mọi hoạt động của Công ty L1 đều đặt dưới sự chỉ đạo, điều hành của Phan Thị T.

1. Hành vi phạm tội của Phan Thị Thanh

Từ năm 2019 đến năm 2021, thông qua hoạt động kê khai, báo cáo tài chính, báo cáo thuế định kỳ gửi Chi cục Thuế khu vực S – N, Phan Thị T đã lợi dụng, nhân danh tư cách Giám đốc Công ty T7, Công ty L1 thực hiện hành vi bỏ ngoài sổ sách kế toán, không xuất hóa đơn đối với nhiều khoản doanh thu từ việc bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ và kê khai thuế với doanh thu thu được nhỏ hơn so với thực tế nhằm mục đích trốn thuế phải nộp cho Nhà nước, cụ thể như sau:

- Giai đoạn từ 2019 đến 2021, Công ty T7 ký hợp đồng thuê 02 khách sạn để kinh doanh hoạt động dịch vụ lưu trú ngắn ngày gồm: Khách sạn P1 từ năm 2018 đến nay và khách sạn T8 từ ngày 01/01/2021 đến 31/12/2021; Công ty L1 ký hợp đồng thuê 04 khách sạn để kinh doanh hoạt động dịch vụ lưu trú ngắn ngày gồm: Khách sạn S1, khách sạn G1 3 thuê từ ngày 01/01/2020 đến ngày 23/6/2022; khách sạn S2, khách sạn P2 thuê từ 01/01/2021 đến ngày 31/12/2025. Công ty L1 cũng là đại lý của Công ty Cổ phần D1 Bà N, chuyên bán vé cáp treo, dịch vụ phòng lưu trú, dịch vụ ăn uống và các dịch vụ vui chơi giải trí khác tại khu du lịch Bà N. Ngoài ra, trong thời điểm thành phố Đà Nẵng bị ảnh hưởng bởi dịch bệnh covid-19, theo chủ trương kêu gọi của chính quyền thành phố Đà Nẵng, Phan Thị T đăng ký thiết lập các khách sạn của Công ty T7, Công ty L1 trở thành các cơ sở lưu trú (có tính phí) để đón các đoàn người nhập cảnh từ nước ngoài về Việt Nam cách ly phòng chống dịch. Do vậy, trong giai đoạn 2019 đến 2021, nguồn doanh thu chính của Công ty T7, Công ty L1 đến từ hoạt động tổ chức tour du lịch, kinh doanh dịch vụ lưu trú khách sạn, kinh doanh địa điểm cách ly người nhập cảnh và làm đại lý bán vé, bán dịch vụ cho Công ty Cổ phần D1 Bà N.

Để thực hiện các giao dịch thanh toán với khách hàng, nhà cung cấp..., Phan Thị T đăng ký sử dụng các tài khoản ngân hàng đứng tên Công ty T7, Công ty L1 và các tài khoản ngân hàng cá nhân đứng tên Phan Thị T, cụ thể:

- Công ty T7 sử dụng 04 tài khoản ngân hàng gồm: Tài khoản số 0041000325712 mở tại Ngân hàng V2; Tài khoản số 56510000188453 mở tại Ngân hàng B2; Tài khoản số 3071100646868 mở tại Ngân hàng Q1; Tài khoản số 19037258376015 mở tại Ngân hàng T9.

- Công ty L1 sử dụng 09 tài khoản ngân hàng gồm: Tài khoản số 0041000245676 mở tại Ngân hàng V2; Tài khoản số 56510000331895 mở tại Ngân hàng B2; Tài khoản số 0321011901002 mở tại Ngân hàng B3; Tài khoản số 19037176737011 mở tại Ngân hàng T9; Tài khoản số 100000937511, 100001453089 mở tại Ngân hàng TMCP Q2; Tài khoản số 1009344672 mở tại Ngân hàng S3; Tài khoản số 40100014229724 mở tại Ngân hàng TMCP Đ; Tài khoản số 122438837 mở tại Ngân hàng V3.

- Cá nhân Phan Thị T sử dụng 07 số tài khoản ngân hàng gồm: 04 tài khoản số 19034195718019, 19134195718031, 19134195718013, 19134195718021 mở tại Ngân hàng T9; Tài khoản số 0041000183502 mở tại V2; Tài khoản số 56510000188198 mở tại Ngân hàng B2; Tài khoản số 3060133315555 mở tại Ngân hàng Q1.

Quá trình điều tra xác định, Công ty T7, Công ty L1 không thực hiện chế độ kế toán trưởng mà phân công từng mảng nhiệm vụ, nghiệp vụ kế toán cho từng nhân viên, đặt dưới sự chỉ đạo, hướng dẫn của Phan Thị T. Quá trình kinh doanh, Công ty T7 và Công ty L1 nhận thanh toán tiền bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ từ khách hàng bằng 02 hình thức: tiền mặt và chuyển khoản. Nếu trả bằng tiền mặt thì nhân viên kế toán sẽ ghi vào sổ thu tiền mặt của Công ty. Nếu chuyển khoản thì chuyển vào tài khoản ngân hàng công ty hoặc vào tài khoản cá nhân của Phan Thị T.

Về chế độ kế toán thu – chi: Phan Thị T bố trí mỗi Công ty một nhân viên kế toán kho, theo dõi công nợ kiêm nhiệm Thủ quỹ; tại Công ty T7 là Phan Thị Kiều O, SN 1995, HKTT: Thôn N, xã N, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh; tại Công ty L1 là Trần Thị Thu C, SN 1969, trú tại tổ D phường A, quận S, TP ..

Đối với công việc thủ quỹ, vào mỗi sáng, bộ phận Lễ tân và bộ phận nhà hàng của các khách sạn sẽ in trên phần mềm smile nội dung Payment R (Báo cáo thanh toán) về số tiền đã thu của các khách hàng vào ngày hôm trước (bao gồm chi tiết số tiền mặt, số tiền chuyển khoản, có đính kèm số booking của khách hàng) và gửi cho Thủ quỹ kiểm đếm, đối chiếu với số liệu trên Payment Report để đảm bảo trùng khớp. Sau đó, thủ quỹ nhập vào quỹ tiền mặt của công ty, nhập số liệu lên phần mềm kế toán và xuất Phiếu thu.

Đối với vấn đề thanh toán công nợ, vào mỗi cuối tháng, thủ quỹ rà soát trên phần mềm kế toán, lập file Excel số liệu công nợ của từng nhà cung cấp, sau đó lập Phiếu chi và báo cáo, đề xuất Phan Thị Thanh thanh T3. Đối với những khách hàng nhỏ, lẻ, có công nợ dưới 20 triệu đồng thì Công ty xuất quỹ tiền mặt để trả, với những khách hàng lớn thì thanh toán qua tài khoản của Công ty, tài khoản cá nhân của Phan Thị T hoặc ủy nhiệm chi.

Trong một số trường hợp, Phan Thị T yêu cầu xuất tiền mặt để nộp tiền vào tài khoản ngân hàng thì Thủ quỹ lập Phiếu chi, sau đó đưa tiền cho các nhân viên do T chỉ đạo đến ngân hàng nộp tiền vào tài khoản Công ty. Các chứng từ nộp tiền sẽ được đưa lại cho Thủ quỹ để nhập vào phần mềm kế toán. Do Công ty sử dụng phần mềm kế toán misa nên mọi nghiệp vụ liên quan đến tiền mặt,

Thủ quỹ đều cập nhật vào phần mềm, không lập Sổ quỹ tiền mặt riêng để theo dõi. Tất cả các chi phí, công nợ của nhà cung cấp đều được hạch toán vào phần mềm kế toán để xây dựng báo cáo tài chính, kê khai thuế.

Về nghiệp vụ kế toán xuất hóa đơn: tại Công ty T7, Phan Thị Thanh giao Phan Thị Bích T4 (SN 1992, trú tại Tổ C, phường M, quận N, TP .) đảm nhận vai trò kế toán xuất hóa đơn; tại Công ty L1, Phan Thị Thanh giao Bùi Thị Xuân D (SN 1986, trú Tổ D phường H, quận L, TP .), và bà Trần Thị Thu C (thông tin lai lịch như trên) đảm nhận vai trò này.

Khi khách hàng đặt dịch vụ, đặt phòng tại các khách sạn, đặt vé khu du lịch Bà N, Phan Thị T và bộ phận sales, lễ tân sẽ cập nhật lên phần mềm Smile (phần mềm quản lý lưu trú của khách sạn) toàn bộ thông tin về khách lưu trú (hợp đồng, thông tin khách hàng, ngày tháng năm sinh, chứng minh nhân dân/căn cước công dân, ngày đến, ngày đi, số phòng, đơn giá, nội dung hàng hóa dịch vụ được cung cấp...) để theo dõi.

Về vấn đề thanh toán: đối với các khách đặt phòng qua Phan Thị T, bộ phận sale thì thanh toán chủ yếu bằng hình thức chuyển khoản (qua tài khoản cá nhân của Phan Thị Thanh H2 của Công ty). Đối với khách đặt phòng qua lễ tân thì có thể thanh toán bằng tiền mặt, hoặc chuyển khoản vào 02 loại tài khoản nêu trên. Sau khi khách thanh toán, Phan Thị T, nhân viên sale sẽ gửi mail cho kế toán xuất hóa đơn theo từng booking (thông tin về khách hàng đặt dịch vụ), đính kèm nội dung hình ảnh chuyển tiền của khách hàng. Trường hợp khách hàng thanh toán qua lễ tân thì lễ tân sẽ in các booking thanh toán (chứng từ thanh toán) gửi kế toán. Dựa trên cơ sở mail của nhân viên sale gửi đến và chứng từ thanh toán của lễ tân, kế toán sẽ kiểm tra lại và xuất hóa đơn. Ngoài ra, đối với phần doanh thu khách hàng chuyển qua tài khoản Công ty nhưng Phan Thị T không yêu cầu xuất hóa đơn, kế toán sẽ tự chủ động rà soát và xuất hóa đơn hết với tên người nhận là “Khách lẻ không lấy hóa đơn” theo quy định.

Thời điểm năm 2019 đến năm 2021, tất cả các hóa đơn giá trị gia tăng của Công ty T7, Công ty L1 xuất ra đều là hóa đơn điện tử. Hóa đơn sau khi xuất được kế toán gửi theo địa chỉ mail/zalo do khách hàng cung cấp. Toàn bộ các hóa đơn đầu vào, đầu ra, các chứng từ, chi phí đều được kế toán tập hợp, lưu trữ để cuối quý khai báo thuế và cuối năm kê khai báo cáo tài chính.

Về nghiệp vụ kê khai thuế, báo cáo tài chính: tại Công ty T7, từ khi thành lập Công ty đến tháng 7/2020, Phan Thị Thanh giao Ngô Thị Thu H3 (thông tin lai lịch như trên) đảm nhận vai trò xây dựng báo cáo tài chính, kê khai thuế nộp cơ quan thuế định kỳ. Từ tháng 7/2020 đến nay, Phan Thị Thanh giao Võ Thị Hồng P (SN 1984, trú G T, phường H, quận H, TP .) là kế toán thời vụ đảm nhận. Tại Công ty L1, Phan Thị T giao cho Bùi Thị Xuân D và Võ Thị Hồng P (thông tin lai lịch như trên) đảm nhận. Nhiệm vụ của H3, D, P đặt dưới sự chỉ đạo, theo dõi và quản lý trực tiếp của Phan Thị T.

Để xây dựng báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hằng tháng, báo cáo tài chính và tờ khai thuế định kỳ, H3, D và P dựa vào các chứng từ chi phí, hóa đơn đầu vào, đầu ra... của 02 Công ty phát sinh trong từng quý, đồng thời truy cập

phần mềm kế toán misa, phần mềm xuất hóa đơn, trích xuất số liệu về số hóa đơn, doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ trong tháng, chi phí quản lý doanh nghiệp, chi phí phát sinh khác, từ đó tính ra lợi nhuận thu được và tiến hành kê khai. Sau khi chốt số liệu báo cáo tài chính và số tiền thuế phải nộp định kỳ, **H3, D, P** báo cáo miệng với **Phan Thị T** để biết và cho ý kiến trước khi gửi cơ quan thuế. Kế toán sẽ sử dụng token (chữ ký điện tử) của **Phan Thị T** - Giám đốc **Công ty T7**, Giám đốc **Công ty L1** để ký gửi hồ sơ cho cơ quan thuế qua phần mềm hỗ trợ kê khai thuế và trang web của **Tổng cục T10**. Ngoài ra, các nhân viên trên còn thực hiện in ấn, lưu trữ sổ sách, chứng từ theo quy định của Luật Kế toán.

Ngoài ra, **Công ty L1** còn là đại lý bán vé cáp treo, dịch vụ phòng lưu trú, dịch vụ ăn uống và các dịch vụ vui chơi giải trí khác tại khu du lịch Bà **N. T** là người trực tiếp liên hệ bộ phận kinh doanh, bộ phận đặt phòng của **Công ty Cổ phần D1** Bà **N** để đặt dịch vụ, sử dụng tài khoản ngân hàng của **Công ty L1** và tài khoản ngân hàng cá nhân để thanh toán. Đối với dòng tiền thanh toán từ tài khoản **Công ty L1**, **Phan Thị T** đề nghị **Công ty B4** xuất hóa đơn giá trị gia tăng cho **Công ty L1** để kê khai thuế. Với dòng tiền từ tài khoản cá nhân, **T** không yêu cầu nên **Công ty B4** đã xuất hóa đơn với tên người nhận là “Khách lẻ không lấy hóa đơn”. Do đó, **Phan Thị T** đã bỏ ngoài, không xuất hóa đơn đầu ra, không kê khai thuế đối với phần doanh thu thu được qua tài khoản cá nhân.

Là Giám đốc, **Phan Thị T** nhận thức được Công ty có nghĩa vụ tuân thủ các quy định của Luật quản lý thuế, thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ, trách nhiệm của người nộp thuế, nghĩa vụ kê khai chính xác, trung thực, đầy đủ các nội dung trong tờ khai thuế và nộp đủ các chứng từ, tài liệu quy định trong hồ sơ khai thuế với cơ quan quản lý thuế. Công ty tự tính số tiền thuế phải nộp và chịu trách nhiệm về việc kê khai định kỳ theo quý, năm. Tuy nhiên, giai đoạn 2019 - 2021, **Phan Thị T** đã sử dụng các tài khoản ngân hàng của **Công ty T7**, **Công ty L1** và các tài khoản ngân hàng cá nhân của mình để nhận doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ từ khách hàng chuyển đến (bao gồm các khoản tiền đặt cọc và tiền thanh toán sau khi khách hàng sử dụng dịch vụ). Trong đó, phần lớn số tiền thanh toán được khách hàng chuyển qua tài khoản cá nhân, số ít được chuyển qua các tài khoản của Công ty. Cụ thể:

- *Đối với tài khoản của Công ty:* Khi có yêu cầu cần hóa đơn giá trị gia tăng, **Phan Thị T** hướng dẫn khách hàng chuyển tiền đặt cọc và thanh toán qua tài khoản ngân hàng của Công ty, đồng thời yêu cầu khách hàng cung cấp thông tin và gửi cho nhân viên kế toán (**Phan Thị Bích T4**, **Bùi Thị Xuân D**, **Trần Thị Thu C**) để xuất hóa đơn sau khi khách hàng thanh toán, kết thúc sử dụng dịch vụ. Trường hợp khách hàng không lấy hóa đơn hoặc **Phan Thị T** không chỉ đạo thì nhân viên kế toán tự chủ động rà soát, theo dõi hệ thống tài khoản ngân hàng của Công ty để xuất hóa đơn toàn bộ phần doanh thu đầu vào còn lại với tên người mua là “Khách lẻ không lấy hóa đơn”. Với những khách hàng thanh toán bằng tiền mặt, lễ tân sẽ chuyển thông tin khách hàng kèm tiền thanh toán về bộ phận kế toán để nhập quỹ và xuất hóa đơn cho khách. Do vậy, toàn bộ phần doanh thu thu được qua tài khoản Công ty và doanh thu thanh toán bằng tiền mặt

đều được Công ty T7, Công ty L1 đưa vào sổ sách, xuất hóa đơn giá trị gia tăng và kê khai thuế đầy đủ.

- Đối với tài khoản cá nhân của Phan Thị T: T sử dụng để nhận phần lớn doanh thu từ hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ từ 02 Công ty. Hầu hết doanh thu nhận qua tài khoản cá nhân, Phan Thị T không cung cấp thông tin để bộ phận kế toán xuất hóa đơn giá trị gia tăng cho khách hàng sử dụng dịch vụ. Tuy nhiên, cũng có trường hợp nếu khách hàng thanh toán qua tài khoản cá nhân nhưng cần xuất hóa đơn, Phan Thị T vẫn gửi thông tin (tên khách hàng, hợp đồng, nội dung, giá trị hóa đơn, địa chỉ nhận hóa đơn...) để kế toán tiến hành xuất hóa đơn. Trường hợp khách hàng ban đầu không lấy hóa đơn và đã đặt cọc vào tài khoản cá nhân nhưng sau đó muốn lấy hóa đơn, Phan Thị T sẽ chuyển trả lại tiền đặt cọc và yêu cầu khách hàng chuyển lại vào tài khoản công ty để hạch toán kế toán. Mục đích Phan Thị T sử dụng các tài khoản cá nhân để nhận thanh toán từ khách hàng nhằm bỏ ngoài, không kê khai doanh thu từ hoạt động bán hàng, cung ứng dịch vụ. Nhân viên kế toán không biết được phần doanh thu của Công ty T7, Công ty L1 bị bỏ ngoài vì không được theo dõi, tiếp cận số liệu qua tài khoản cá nhân của Phan Thị T.

Ngoài ra, các giao dịch thanh toán Hợp đồng thuê khách sạn, trả tiền cho các nhà cung cấp phải sử dụng tài khoản ngân hàng của Công ty nên trường hợp tài khoản Công ty không đủ tiền, Phan Thị T sẽ cân đối, chuyển một phần doanh thu từ tài khoản của mình sang tài khoản của các nhân viên công ty gồm: Ngô Thị Thu H3, Nguyễn Đào Duy B1 (có thông tin lai lịch như trên) và Ngô Phú L (SN 1995; trú: I T, phường H, quận H, TP.), đồng thời chỉ đạo H3, B1, L rút tiền mặt nộp vào tài khoản của 02 Công ty để trả lương cho nhân viên, thanh toán cho nhà cung cấp (suất ăn, vật dụng, thiết bị, điện, nước...). Mỗi giao dịch từ vài chục triệu đến vài trăm triệu đồng. Phan Thị T không chuyển trực tiếp từ tài khoản ngân hàng cá nhân của mình sang tài khoản ngân hàng của công ty mà chuyển sang tài khoản trung gian nhằm tránh bị cơ quan chức năng phát hiện.

Với phương thức, thủ đoạn nêu trên, trong thời gian từ ngày 01/01/2019 đến ngày 31/12/2021, Phan Thị T đã có hành vi bỏ ngoài sổ sách, không kê khai chính xác, trung thực, đầy đủ các khoản doanh thu thu được từ việc bán hàng và cung cấp dịch vụ, không chấp hành đúng chế độ kế toán, thống kê và quản lý, sử dụng hoá đơn, chứng từ theo quy định của pháp luật, không lập và giao hoá đơn, chứng từ cho người mua theo đúng số lượng, chủng loại, giá trị thực thanh toán khi bán hàng hoá, cung cấp dịch vụ, kết thúc năm tài chính, Phan Thị T chỉ đạo lập và nộp hồ sơ kê khai quyết toán thuế, nhưng số liệu kê khai thuế không đầy đủ, không phản ánh chính xác, trung thực hoạt động phát sinh nghĩa vụ thuế, khấu trừ thuế và giao dịch phải kê khai thông tin về thuế, nhằm mục đích giảm số thuế GTGT và thuế TNDN phải nộp cho nhà nước.

Tại Kết luận giám định ngày 18/10/2023 do các Giám định viên tư pháp là ông Phan Thanh G, số thẻ 67167 do Bộ T11 cấp ngày 02/12/2019 (chức vụ: Phó trưởng phòng Thanh tra Kiểm tra 3 Cục thuế thành phố Đà Nẵng) và Phương Văn H4, số thẻ 67139 do Bộ T11 cấp ngày 21/9/2021 (chức vụ: Đội trưởng Đội

kiểm tra thuế 2, [Chi cục T khu vực S - N](#)), kết luận: **Trong giai đoạn từ năm 2019 đến năm 2021, [Phan Thị T](#) và [Công ty T7](#) đã có hành vi trốn thuế với số tiền là 5.637.827.954 đồng.** Trong đó: Thuế giá trị gia tăng (GTGT): 2.376.559.665 đồng (năm 2019: 1.032.882.304 đồng, năm 2020: 511.388.635 đồng, năm 2021: 832.288.726 đồng). Thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN): 3.261.268.289 đồng (năm 2019: 1.221.045.489 đồng, năm 2020: 305.029.164 đồng, năm 2021: 1.735.193.636 đồng).

Tại Kết luận giám định ngày 27/12/2023 do các Giám định viên tư pháp là ông [Phan Thanh G](#), số thẻ 67167 do [Bộ T11](#) cấp ngày 02/12/2019 (chức vụ: Phó trưởng phòng Thanh tra Kiểm tra 3 Cục thuế thành phố Đà Nẵng) và [Phương Văn H4](#), số thẻ 67139 do [Bộ T11](#) cấp ngày 21/9/2021 (chức vụ: Đội trưởng Đội kiểm tra thuế 2, [Chi cục T khu vực S - N](#)), kết luận: **Trong giai đoạn từ năm 2019 đến năm 2021, [Phan Thị T](#) và [Công ty L1](#) đã có hành vi trốn thuế với số tiền là 31.576.685.409 đồng.** Trong đó: Thuế giá trị gia tăng: 11.324.274.778 đồng (năm 2019: 4.911.381.935 đồng, năm 2020: 2.744.126.803 đồng, năm 2021: 3.676.471.501 đồng). Thuế thu nhập doanh nghiệp: 20.252.410.631 đồng (năm 2019: 11.875.410.066 đồng, năm 2020: 3.621.386.380 đồng, năm 2021: 4.755.614.185 đồng).

2. Hành vi phạm tội của các pháp nhân thương mại là [Công ty T7](#) và [Công ty L1](#)

Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra cũng đã xác định [Công ty T7](#), [Công ty L1](#) là hai pháp nhân thương mại đã có hành vi phạm tội Trốn thuế, phải chịu trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điều 75 Bộ luật Hình sự, cụ thể:

- Hành vi phạm tội được thực hiện nhân danh pháp nhân thương mại: Kết luận giám định của [Cục T](#) đã chỉ rõ: Từ năm 2019 đến năm 2021, 02 pháp nhân thương mại là [Công Thủy T5](#) và [Công ty L1](#) đã thực hiện hành vi trốn thuế với thủ đoạn không ghi chép đầy đủ trong sổ kế toán các khoản thu liên quan đến việc xác định số tiền thuế phải nộp, không xuất hóa đơn GTGT khi bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ. Quá trình kê khai, thiết lập hồ sơ báo cáo tài chính, báo cáo thuế và ký nộp các hồ sơ gửi Cơ quan thuế định kỳ nhằm thực hiện hành vi trốn thuế của [Công ty T7](#), [Công ty L1](#) được thực hiện thông qua vai trò chỉ đạo, điều hành của [Phan Thị T](#) – Giám đốc, người đại diện theo pháp luật của 02 Công ty.

- Hành vi phạm tội được thực hiện vì lợi ích của pháp nhân thương mại: Quá trình điều tra xác định: Toàn bộ số tiền trốn thuế được [Công ty T7](#), [Đà Nẵng T](#) được sử dụng để vận hành và phục vụ các lợi ích khác của 02 Công ty như: Chi trả lương, thưởng cho nhân viên; Trả cho đơn vị cung cấp điện, nước, thực phẩm, suất ăn..., mua sắm các trang thiết bị, vật dụng cho khách sạn, sửa chữa phương tiện; Sửa chữa, tu bổ, nâng cấp, vận hành, thuê các khách sạn. Bên cạnh lời khai của [Phan Thị T](#) và nhân viên 02 Công ty, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã thu thập được các chứng cứ chứng minh: hồ sơ lương, bảng lương nhân viên; hóa đơn, chứng từ mua vào; hợp đồng, chứng từ sửa chữa [khách sạn P1](#)...

- Hành vi phạm tội được thực hiện có sự chỉ đạo, điều hành hoặc chấp thuận của pháp nhân thương mại: Đối với Công ty T7, theo Điều lệ của Công ty, Phan Thị T – Giám đốc là người quyết định các vấn đề liên quan và điều hành hoạt động kinh doanh hằng ngày của Công ty. Mặc dù có tổ chức Hội đồng thành viên, nhưng 02 cổ đông là ông Đỗ Quang V – Chủ tịch Hội đồng, Lê Thanh B – thành viên Hội đồng không tham gia mà giao toàn bộ quyền điều hành, định hướng các hoạt động kinh doanh của Công ty T7 cho Phan Thị T, chỉ hưởng lợi theo tỷ lệ vốn góp. Đối với Công ty L1 là Công ty TNHH MTL1 do Phan Thị T là Giám đốc và sở hữu 100% vốn góp. Phan Thị T đã sử dụng vai trò giám đốc để thực hiện quyền chỉ đạo, điều hành các hoạt động của Công ty, trong đó có cả việc bỏ doanh thu ngoài sổ sách, không xuất hóa đơn để thực hiện hành vi phạm tội trốn thuế. Như vậy, sự chỉ đạo, điều hành của Công ty T7, Công ty L1 trong quá trình thực hiện tội phạm trốn thuế đều được thực hiện thông qua vai trò chỉ đạo, mệnh lệnh và hướng dẫn của Phan Thị T – Giám đốc. Cụ thể:

+ Trực tiếp định hướng hoạt động kinh doanh, tìm kiếm nguồn khách hàng cho Công ty; thay mặt công ty ký hợp đồng tuyển dụng, thuê và sử dụng lao động, phân công công việc theo quy định của pháp luật; quyết định mua sắm, sử dụng, định đoạt tài sản của Công ty; đại diện Công ty thực hiện các quy định về công tác kế toán, kê khai nộp thuế và thực hiện các nghĩa vụ tài chính khác, ký tên, đóng dấu Công ty vào các báo cáo tài chính, báo cáo, tờ khai thuế...; giải quyết quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của người lao động theo quy định của pháp luật.

+ Đưa ra các số liệu, thông tin sai lệch về doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ của Công ty T7, Đà Nẵng T cho nhân viên kế toán, dẫn đến xuất hóa đơn giá trị gia tăng, kê khai thuế của Công ty không đầy đủ, không đúng thực tế.

+ Các tờ khai thuế, báo cáo tài chính... nộp cơ quan thuế đều được ký bởi Phan Thị T – Giám đốc, người đại diện theo pháp luật của Công ty T7, Công ty L1.

- Chưa hết thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 27 của Bộ luật này.

Sau khi Phan Thị T bị khởi tố và bắt tạm giam, đã ủy quyền cho ông Châu Ngọc V1 điều hành Công ty L1 và ông Lê Văn Q điều hành Công ty T7 kể từ ngày 20/10/2023; do phía Công ty cổ phần T12 đề nghị chấm dứt hợp đồng thuê lấy lại khách sạn P1, dẫn đến không có trụ sở để 02 công ty tiếp tục hoạt động nên ông Q có văn bản thông báo tạm ngưng hoạt động của Công ty T7 từ ngày 01/11/2023 và ông V1 có văn bản thông báo tạm dừng hoạt động của Công ty L1 từ ngày 15/11/2023. Quá trình điều tra qua xác minh xác định các tài khoản ngân hàng của Công ty T7, Công ty L1 và của Phan Thị Thanh H5 không có số dư.

3. Những vấn đề có liên quan trong vụ án:

- Liên quan đến số tiền vốn góp và quá trình chuyển nhượng vốn góp trong Công ty T7 của Phan Thị T, ông Lê Thanh B với ông Đỗ Quang V (được bị can T trả 6.200.000.000 đồng và yêu cầu tiếp tục hoàn trả 3.800.000.000 đồng từ 10.000.000.000 đồng vốn góp) và ông Lê Thanh B (được bị can T trả 1.750.000.000 đồng và yêu cầu tiếp tục hoàn trả 250.000.000 đồng từ 2.000.000.000 đồng vốn góp). Quá trình điều tra xác định vào năm 2023, ông Nguyễn Đào Duy B1 thế chấp nhà đất của mình để Công ty T7 vay 05 tỷ đồng của Ngân hàng S4; sau đó, T thỏa thuận với ông Duy B1 về công ty trả lãi vay còn tiền vay chuyển qua góp vốn để ông Duy B1 trở thành viên giữ 40% trị giá vốn góp là 08 tỷ đồng; T thỏa thuận với ông Đỗ Quang V và Lê Thanh B về làm thủ tục chuyển vốn góp để thay đổi thành viên của công ty; tháng 4/2023 Công ty T7 đã làm thủ tục đăng ký thay đổi thành viên là Phan Thị T và Nguyễn Đào Duy B1. Liên quan đến số tiền vốn góp và quá trình chuyển nhượng vốn góp giữa các thành viên Công ty T7, các đương sự có liên quan đề nghị Tòa án giải quyết vụ việc theo quy định của pháp luật.

- Công ty cổ phần T12 cho Công ty T7 thuê khách sạn P1 (tại B V, phường P, quận S, để Công ty T7 và Công ty L1 làm trụ sở hoạt động kinh doanh) nhưng do vi phạm hợp đồng thuê đã trừ số tiền đặt cọc 05 tỷ đồng (năm 2018 đặt cọc 10 tỷ và đến năm 2023 ký lại hợp đồng thuê và chuyển đặt cọc 10 tỷ giảm xuống còn 05 tỷ); đến ngày 15/4/2024, Công ty T12 yêu cầu Công ty T7 tiếp tục thanh toán số tiền nợ là 8.350.189.920 đồng (tiền thuê khách sạn 6.622.333.333 đồng và chi phí liên quan điện nước, thiết bị là 1.727.856.587 đồng); Công ty T12 có yêu cầu đề nghị Tòa án giải quyết vụ việc theo quy định của pháp luật.

- Công ty cổ phần D2 cho Công ty T7 thuê khách sạn (tại H H, phường P, quận S) và thanh lý hợp đồng trả lại số tiền 891.000.000 đồng. Đến hiện tại đã trả tiền mặt số tiền 450.000.000 đồng cho ông Lê Văn Q nhận và ông Q đã trích nộp 300.000.000 đồng nộp cho Cơ quan điều tra để khắc phục hậu quả, đưa 150.000.000 đồng cho ông Nguyễn Hữu T6 (chồng bị can Phan Thị T) để trả chi phí, tiền công cho một số nhân viên khi 02 công ty ngừng hoạt động; hiện Công ty cổ phần D2 chưa thanh toán số tiền 441.000.000 đồng.

- Công ty cổ phần Đ1 cho Công ty L1 thuê khách sạn (tại B D, phường P, quận S) và thanh lý hợp đồng thuê, trả lại số tiền 403.295.565 đồng. Đến hiện tại đã trả tiền mặt số tiền 200.000.000 đồng cho ông Châu Ngọc V1 nhận và nộp cho Cơ quan điều tra để khắc phục hậu quả, chuyển khoản trả hết số tiền 203.295.565 đồng vào tài khoản số 093516824 của Công ty L1 tại Ngân hàng TMCP S5.

- Đối với số tiền do Công ty L1 đề nghị thanh toán liên quan đến các khoản chi phí nhận cách ly y tế phòng chống dịch bệnh Covid-19 cho nhân viên của Bệnh viện Đ2, Trung tâm y tế huyện H, Bệnh viện Dã chiến và Bệnh viện C1. Qua thu thập tài liệu chứng cứ liên quan xác định, Hội đồng nhân dân thành phố Đ có văn bản chỉ đồng ý hỗ trợ thanh toán theo quy định đối với chi phí cách ly của các Bệnh viện Đa khoa, Trung tâm y tế huyện H, Bệnh viện D3 là 1.733.040.000 đồng (tiền ăn, ở và chi phí đi lại là 1.567.040.000 đồng và hỗ trợ

chênh lệch là 166.000.000 đồng), còn đối với chi phí 420.000.000 đồng của **Bệnh viện C1** là đơn vị thuộc **Bộ Y** nên không thuộc địa phương chi trả. **Sở Y tế thành phố Đ** xác nhận chưa làm thủ tục thanh toán số tiền 1.733.040.000 đồng cho **Công ty L1** và **UBND quận S** xác nhận **UBND thành phố Đ** chưa bổ sung kinh phí để thanh toán chi phí của Đoàn y tế Bệnh viện C cho **Công ty L1** với số tiền 420.000.000 đồng.

- Tại Công văn số 425/TTKSBT-TCKT ngày 29/3/2024 của **Trung tâm K (C2)** gửi Cơ quan điều tra xác định, và yêu cầu **Phan Thị T** và 02 công ty tiếp tục trả lại số tiền 1.925.719.681 đồng thu hộ liên quan đến hoạt động cung cấp vật tư thiết bị y tế để chống dịch bệnh Covid-19; **C2** đề nghị Tòa án giải quyết vụ việc theo quy định của pháp luật.

Với các hành vi trên, tại Bản án hình sự sơ thẩm số 06/2025/HS-ST ngày 14/01/2025 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng đã quyết định: tuyên bố bị cáo Phan Thị T phạm tội “Trốn thuế”.

Áp dụng khoản 3 Điều 200; điểm g khoản 1 Điều 52; các điểm b, n, v, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt: **Phan Thị T** 05 (năm) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam, ngày 20/10/2023.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về phân trách nhiệm hình sự đối với pháp nhân thương mại, biện pháp tư pháp, xử lý vật chứng và các tài sản bị kê biên, án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 16/01/2025, bị cáo **Phan Thị T** kháng cáo Bản án sơ thẩm với nội dung xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo giữ nguyên nội dung kháng cáo và đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo với lý do mức án mà Tòa án cấp sơ thẩm tuyên là quá nặng, bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn; bị cáo trực tiếp nuôi 03 con nhỏ, chăm sóc mẹ già.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Người bào chữa của bị cáo **Phan Thị T**, Luật sư **Nguyễn Doãn H1** trình bày quan điểm thống nhất về hành vi và tội danh mà Tòa án cấp sơ thẩm đã quy kết cho bị cáo. Tuy nhiên, đề nghị Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm đánh giá lại tính chất, mức độ hành vi phạm tội; xem xét nhiều tình tiết giảm nhẹ mà bị cáo được hưởng để áp dụng Điều 54 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo. Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử phúc thẩm, các con của bị cáo đã nộp khoản tiền 2.000.000đ để khắc phục hậu quả thay cho bị cáo và bị cáo nộp khoản tiền án phí sơ thẩm. Đề nghị Hội đồng xét xử cân nhắc giảm cho bị cáo một phần hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng:

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 16/01/2025, bị cáo **Phan Thị T** kháng cáo Bản án hình sự sơ thẩm số 06/2025/HS-ST ngày 14/01/2025 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng với nội dung xin giảm nhẹ hình phạt; Đơn kháng cáo của bị cáo trong thời hạn quy định tại Điều 331, Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Do vậy, Hội đồng xét xử xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2]. Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo **Phan Thị T, Hội đồng xét xử thấy:**

[2.1]. Về tội danh:

Bị cáo **Phan Thị T** hoàn toàn thừa nhận hành vi phạm tội của mình như Tòa án cấp sơ thẩm quy kết là đúng người, đúng tội. Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở khẳng định: **Công ty TNHH MTV L1** và **Công ty TNHH T7** do **Phan Thị T** làm Giám đốc, người đại diện theo pháp luật, là người điều hành và chịu trách nhiệm về mọi hoạt động của các Công ty; hoạt động kinh doanh của hai Công ty trong lĩnh vực lưu trú ngắn ngày, vận tải hành khách đường bộ, dịch vụ nhà hàng, ăn uống, điều hành tour du lịch và dịch vụ bán vé cáp treo Bà N, ... Lợi dụng tư cách Giám đốc, người đại diện theo pháp luật của Công ty, **T** đã có hành vi kê khai không chính xác, không đầy đủ, bỏ ngoài sổ sách các khoản doanh thu thu được từ việc bán hàng và cung cấp dịch vụ; không lập và giao hoá đơn, chứng từ cho người mua theo đúng số lượng, chủng loại, giá trị thực thanh toán khi bán hàng hoá, cung cấp dịch vụ. Đồng thời, **T** chỉ đạo lập và nộp hồ sơ kê khai quyết toán thuế cuối năm tài chính với số liệu kê khai không trung thực. Theo đó, **Phan Thị T** sử dụng đồng thời các tài khoản ngân hàng của **Công ty T7**, **Công ty L1** và các tài khoản ngân hàng cá nhân của mình để nhận doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ từ khách hàng chuyển đến. Trong đó, khi có yêu cầu cần hóa đơn giá trị gia tăng, **T** hướng dẫn khách hàng chuyển tiền đặt cọc và thanh toán qua tài khoản ngân hàng của Công ty, đồng thời yêu cầu khách hàng cung cấp thông tin và gửi cho nhân viên kế toán để xuất hóa đơn sau khi khách hàng thanh toán, kết thúc sử dụng dịch vụ. Trường hợp khách hàng thanh toán bằng tiền mặt, lễ tân sẽ chuyển thông tin khách hàng kèm tiền thanh toán về bộ phận kế toán để nhập quỹ và xuất hóa đơn cho khách; còn đối với tài khoản cá nhân, **T** sử dụng để nhận phần lớn doanh thu từ hoạt động kinh doanh của 02 Công ty và **T** không cung cấp thông tin để bộ phận kế toán xuất hóa đơn giá trị gia tăng cho khách hàng sử dụng dịch vụ, từ đó bộ phận kế toán không biết được phần doanh thu của 02 Công ty mà **T** đã bỏ ngoài. Trường hợp khách hàng chuyển tiền vào tài khoản cá nhân của **Phan Thị T** để đặt cọc, ban đầu không muốn lấy hóa đơn nhưng sau đó muốn lấy hóa đơn thì **T** sẽ chuyển lại tiền đặt cọc và yêu cầu khách hàng chuyển vào tài khoản công ty để hạch toán kế toán. Ngoài ra, có các giao dịch phải sử dụng tài khoản ngân hàng của Công ty nhưng tài khoản không đủ tiền thì **T** sẽ cân đối chuyển một phần doanh thu từ tài khoản của mình sang tài khoản của các nhân viên Công ty rồi sau đó chỉ đạo rút ra tiền mặt nộp vào tài khoản của 02 Công ty để thực hiện giao dịch nhằm tránh bị cơ quan chức

năng phát hiện, truy tìm nguồn gốc dòng tiền doanh thu được chuyển qua tài khoản cá nhân.

Với phương thức và thủ đoạn nêu trên, trong khoảng thời gian từ ngày 01/01/2019 đến ngày 31/12/2021, **Phan Thị T** đã trốn thuế GTGT và thuế TNDN với số tiền 37.214.513.363 đồng.

Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng kết tội **Phan Thị T** “Trốn thuế” theo quy định khoản 3 Điều 200 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[2.2]. Về hình phạt:

Bị cáo **Phan Thị T** là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được việc trốn thuế đối với Nhà nước bị nghiêm cấm nhưng vì vụ lợi cá nhân bị cáo vẫn cố tình thực hiện. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến chế độ quản lý của Nhà nước trong lĩnh vực thuế cũng như các quy định khác của Nhà nước trong lĩnh vực tài chính và sử dụng hoá đơn giá trị gia tăng, gây thất thu ngân sách Nhà nước, ảnh hưởng xấu đến chính sách phát triển kinh tế, an sinh xã hội của đất nước, của địa phương. Do đó, Hội đồng xét xử cần phải áp dụng mức hình phạt nghiêm khắc, cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội một thời gian mới đảm bảo cải tạo, giáo dục riêng cũng như răn đe, phòng ngừa tội phạm chung.

Bị cáo nhiều lần thực hiện hành vi phạm tội nên bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “*Phạm tội từ 02 lần trở lên*” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Sau khi phạm tội, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đã tác động gia đình và **Công ty K1** số tiền 1.000.000.000 đồng; quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo **T** đồng ý dùng các tài sản của 02 Công ty và tài sản của cá nhân gồm 09 chiếc xe ô tô và một số thửa đất để đảm bảo nghĩa vụ nộp thuế cho Nhà nước; trong quá trình công tác, bị cáo có nhiều thành tích xuất sắc, tích cực hỗ trợ nhân dân và chính quyền thành phố Đà Nẵng trong công tác phòng chống dịch bệnh Covid-19, được nhiều cơ quan, đơn vị tặng Bằng khen, Giấy khen; thời điểm thực hiện hành vi phạm tội bị cáo đang mang thai. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, n, s, v khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự mà Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng cho bị cáo. Ngoài ra, khi lượng hình, bị cáo còn được xem xét các tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51, gồm: bị cáo là người có nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự, lần đầu phạm tội; có cha ruột, ông **Phan Văn H** là người có công với cách mạng; bị cáo tích cực hợp tác với cơ quan có trách nhiệm trong việc phát hiện tội phạm (cơ quan thanh tra) và trong quá trình điều tra giải quyết vụ án; phạm tội trong điều kiện kinh tế doanh nghiệp gặp rất nhiều khó khăn do đại dịch Covid-19 gây ra; có hoàn cảnh hiện khó khăn, là lao động chính có 03 con chưa thành niên.

Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất, mức độ, hậu quả mà hành vi phạm tội của bị cáo đã gây ra, cũng như xem xét đầy đủ các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo để tuyên phạt 05 năm

06 tháng tù là tương xứng, phù hợp, cân nhắc nhiều tình tiết và xem xét toàn diện vụ án.

Tại cấp phúc thẩm, bị cáo **Phan Thị T** kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt nhưng không có tình tiết giảm nhẹ mới nào có ý nghĩa nên không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của bị cáo, Hội đồng xét xử giữ nguyên hình phạt của bản án sơ thẩm đối với bị cáo.

[3]. Về án phí hình sự phúc thẩm: do kháng cáo không được chấp nhận nên bị cáo **Phan Thị T** phải chịu án phí theo quy định.

[4]. Các phần quyết định khác còn lại của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị, Hội đồng xét xử không xem xét.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo **Phan Thị T**; giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 06/2025/HS-ST ngày 14/01/2025 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng về hình phạt đối với bị cáo.

2. Áp dụng khoản 3 Điều 200; các điểm b, n, v, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt: **Phan Thị T** 05 (năm) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “*Trốn thuế*”. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam, ngày 20/10/2023.

3. Về án phí: căn cứ Điều 135, Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; áp dụng khoản 2 Điều 23 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm án phí, lệ phí Tòa án;

Bị cáo **Phan Thị T** phải chịu 200.000 (*hai trăm nghìn*) đồng án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao - Vụ GDKT I;
- VKSNDCC tại Đà Nẵng;
- TAND thành phố Đà Nẵng;
- VKSND thành phố Đà Nẵng;
- Sở Tư pháp thành phố Đà Nẵng;
- Cục THADS thành phố Đà Nẵng;
- Cơ quan CSĐT, Phòng HSNV-CA thành phố Đà Nẵng;
- Cơ quan CSTHAHS-CA thành phố Đà Nẵng;
- Trại tạm giam công an thành phố Đà Nẵng;
- Bị cáo (qua Trại tạm giam);
- Lưu: HSVA; LT; phòng HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Đức Kiên